

Số: /QĐ-SXD

An Giang, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Nghị định 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Căn cứ Thông báo số 292/TB-SXD ngày 16/7/2025 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc điều chỉnh cập nhật mã số bến xe khách trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang (Có phụ lục kèm theo và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh An Giang tại địa chỉ <http://sxd.angiang.gov.vn> và Hệ thống nghiệp vụ quản lý vận tải đường bộ của Bộ Xây dựng <https://qlvt.moc.gov.vn>).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Quản lý vận tải; Thủ trưởng các đơn vị quản lý và khai thác bến xe; Giám đốc các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- UBND tỉnh An Giang (báo cáo);
- Cục Đường bộ Việt Nam (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở (báo cáo);
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Các Bến xe khách;
- Lưu: VT, QLVT, NThảo.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Cường

PHỤ LỤC:

Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày / 12 /2025 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang)

STT	Mã số tuyến	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều)	Cự ly tuyến	Lưu lượng quy hoạch	Phân loại tuyến	Thời gian giãn cách tối thiểu
1	9191.2014.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Kiên Lương	Bến xe Kiên Lương - QL80 - QLN2 – Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	95	60	Tuyến đang khai thác	45
2	9191.2413.A	An Giang	An Giang	Chợ Mới	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL 80 - QL 91 - TL 942 – Bến xe Chợ Mới và ngược lại	195	30	Tuyến đang khai thác	45
3	9191.2611.A	An Giang	An Giang	Kiên Giang	Khánh Bình	Bến xe Kiên Giang – QL 61 - QL80 - ĐT 948 - QL 91 – Bến xe Khánh Bình và ngược lại.	149	30	Tuyến đang khai thác	30
4	9191.1126.B	An Giang	An Giang	Kiên Giang	Khánh Bình	Bến xe Kiên Giang – QL 61 – QL 80 – QL 91 – ĐT 945 – QL 91C – ĐT 956– Bến xe Khánh Bình và ngược lại.	170	90	Tuyến đang khai thác	60
5	9191.2015.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Gò Quao	Bến xe Gò Quao - QL 61 - QL 80 - QL 91 - ĐT 945 – Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	167	180	Tuyến đang khai thác	45
6	9191.2115.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Gò Quao	Bến xe Gò Quao - QL 61 - QL 80 - QL 91 – Bến xe long Xuyên và ngược lại	112	180	Tuyến đang khai thác	30
7	9191.2116.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Vĩnh Phong	Bến xe Vĩnh Phong - QL 63 -QL 61 - QL80 - QL 91 – Bến xe Long Xuyên và ngược lại.	140	180	Tuyến đang khai thác	30
8	9191.2211.A	An Giang	An Giang	Châu Thành	Kiên Giang	Bến xe Châu Thành - QL91 - QL80 - QL61 – Bến xe Kiên Giang và ngược lại	70	240	Tuyến đang khai thác	45
9	9191.2213.A	An Giang	An Giang	Châu Thành	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - Tám Ngàn - ĐT941 - QL91 – Bến xe Châu Thành và ngược lại.	160	330	Tuyến đang khai thác	45
10	9191.2213.B	An Giang	An Giang	Châu Thành	Hà Tiên	BX Hà Tiên - QL80 - N1 - ĐT941 - QL91 - BX Châu Thành và ngược lại.	160	330	Tuyến đang khai thác	45
11	9191.2311.A	An Giang	An Giang	Núi Sập	Kiên Giang	BX Núi Sập - ĐT943 – QL 91 – QL 80 – QL 61 - BX Kiên Giang và ngược lại.	45	60	Tuyến đang khai thác	45

STT	Mã số tuyến	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều)	Cự ly tuyến	Lưu lượng quy hoạch	Phân loại tuyến	Thời gian giãn cách tối thiểu
12	9191.2313.B	An Giang	An Giang	Núi Sập	Hà Tiên	BX Núi Sập - ĐT943 - ĐT947 - QL80 - BX Hà Tiên và ngược lại.	140	60	Tuyến đang khai thác	45
13	9191.2017.B	An Giang	An Giang	Châu Đốc	An Minh	Bến xe An Minh - ĐT967 - QL63 - QL61 - QL80 - QL91 – Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	170	60	Tuyến đang khai thác	45
14	9191.2117.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	An Minh	Bến xe Long Xuyên - QL91 - QL80 – QL 63 – ĐT 967 – Bến xe An Minh và ngược lại.	125	30	Tuyến đang khai thác	45
15	9191.2016.B	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Vĩnh Phong	Bến xe Vĩnh Phong - QL63 - QL61 – Đường tránh Rạch Giá - QL80 - Ngã ba Cây Bàng - QLN1 - QL91 – Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	225	120	Tuyến đang khai thác	30
16	9191.2120.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Châu Đốc	Bến xe khách Long Xuyên - QL.91 - Đường tránh QL 91 - Bến xe khách Châu Đốc và ngược lại	56	60	Tuyến đang khai thác	30
17	9191.2030.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Tịnh Biên	Bến xe Châu Đốc - Đường tránh QL 91 - QL91 – Bến xe Tịnh Biên và ngược lại.	30	60	Tuyến đang khai thác	30
18	9191.3017.A	An Giang	An Giang	Tịnh Biên	An Minh	Bến xe An Minh - ĐT967 - QL63 - QL61 - QL80 - QL91 – Bến xe Tịnh Biên và ngược lại.	190	240	Tuyến đang khai thác	60
19	9191.2613.A	An Giang	An Giang	Khánh Bình	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - QLN1 – cầu Cát Tiên – QL 91C – Bến xe Khánh Bình và ngược lại.	135	90	Tuyến đang khai thác	45
20	9191.2613.B	An Giang	An Giang	Khánh Bình	Hà Tiên	Bến xe Khánh Bình – ĐT956 – Cầu Châu Đốc – QL91 - Đường tránh QL91 – ĐT948 – QL80 – Bến xe Hà Tiên và ngược lại.	148	90	Tuyến đang khai thác	60
21	9191.1120.A	An Giang	An Giang	Kiên Giang	Châu Đốc	Bến xe Kiên Giang - QL 61 - QL 80 - QL 91 - đường Trần Hưng Đạo - đường Phạm Cự Lượng - đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Trung Trực - đường Nguyễn Văn Linh - đường Lý Thái Tổ	125	240	Tuyến đang khai thác	30

STT	Mã số tuyến	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều)	Cự ly tuyến	Lưu lượng quy hoạch	Phân loại tuyến	Thời gian giãn cách tối thiểu
						nối dài - đường Trần Hưng Đạo - QL91 - Bến xe khách Châu Đốc và ngược lại.				
22	9191.2512.A	An Giang	An Giang	Tân Châu	Rạch Giá	Bến xe Tân Châu – ĐT 954 (QL 80B) - Phà Thuận Giang – ĐT 942 (QL 80B) – ĐT 848 (QL 80B) – ĐT 949 – QL N2B – cầu Vàm Cống – QL 80 – Đường Mạc Cửu – Đường Nguyễn Bình Khiêm – Bến xe Rạch Giá và ngược lại.	170	240	Tuyến đang khai thác	60
23	9191.3017.A	An Giang	An Giang	Tịnh Biên	An Minh	Bến xe An Minh - ĐT967 - QL63 - QL61 - QL80 - QLN1 – Bến xe Tịnh Biên và ngược lại	180	120	Tuyến đang khai thác	30
24	9191.2417.A	An Giang	An Giang	Chợ Mới	An Minh	Bến xe An Minh - ĐT967 - QL63 - QL61 - QL91 – Bến xe Chợ Mới và ngược lại.	140	120	Tuyến đang khai thác	30
25	9191.2619.A	An Giang	An Giang	Khánh Bình	Giang Thành	Bến xe Giang Thành - QLN1 - ĐT948 – QL 91 – QL 91C – Bến xe Khánh Bình và ngược lại	100	60	Tuyến đang khai thác	60
26	9191.2513.B	An Giang	An Giang	Tân Châu	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - QLN1 – ĐT948 – QL 91 – Cầu Châu Đốc – ĐT953 - Bến xe Tân Châu và ngược lại.	120	60	Tuyến đang khai thác	45
27	9191.2513.A	An Giang	An Giang	Tân Châu	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên – QL 80 - ĐT948 - QL91 – QL N1- ĐT 953 – Bến xe Tân Châu và ngược lại	118	120	Tuyến đang khai thác	60
28	9191.2016.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Vĩnh Phong	Bến xe Vĩnh Phong - QL 63 - QL 61 - QL 80 - QL 91 - ĐT 945 – Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	195	180	Tuyến đang khai thác	45
29	9191.3012.A	An Giang	An Giang	Tịnh Biên	Rạch Giá	Bến xe Rạch Giá - QL 80 - QL N1 – Bến xe Tịnh Biên và ngược lại.	167	120	Tuyến đang khai thác	45
30	9191.2114.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Kiên Lương	Bến xe Long Xuyên - QL91 - QL80 – Bến xe Kiên Lương và ngược lại.	117	120	Tuyến đang khai thác	45
31	9191.2018.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Giồng Riềng	Bến xe Giồng Riềng - ĐT 963 – QL 61 - QL 80 - QL 91 - Đường tránh QL 91 – Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	145	120	Tuyến đang khai thác	45

STT	Mã số tuyến	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều)	Cự ly tuyến	Lưu lượng quy hoạch	Phân loại tuyến	Thời gian giãn cách tối thiểu
32	9191.2017.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	An Minh	Bến xe An Minh - ĐT 967 - QL 63 – QL61 - QL80 – ĐT945 - ĐT941 - QL91 – Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	190	90	Tuyến đang khai thác	45
33	9191.1912.A	An Giang	An Giang	Rạch Giá	Giang Thành	Bến xe Rạch Giá - QL 80 - QL N1 – Bến xe Giang Thành và ngược lại.	80	300	Tuyến đang khai thác	30
34	9191.2119.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Giang Thành	Bến xe Long Xuyên - QL91 - QL80 – Bến xe Giang Thành và ngược lại.	115	60	Tuyến đang khai thác	45
35	9191.1214.A	An Giang	An Giang	Rạch Giá	Kiên Lương	Bến xe Rạch Giá - QL 80 – Bến xe Kiên Lương và ngược lại.	72	450	Tuyến đang khai thác	15
36	9191.1116.A	An Giang	An Giang	Kiên Giang	Vĩnh Phong	Bến xe Kiên Giang - QL 61 - QL 63 – Bến xe Vĩnh Phong và ngược lại	70	600	Tuyến đang khai thác	15
37	9191.1115.A	An Giang	An Giang	Kiên Giang	Gò Quao	Bến xe Kiên Giang - QL 61 – ĐT962 – Bến xe Gò Quao và ngược lại.	42	600	Tuyến đang khai thác	20
38	9191.1117.A	An Giang	An Giang	Kiên Giang	An Minh	Bến xe Kiên Giang - QL 61 - QL 63 – Bến xe An Minh và ngược lại.	42	600	Tuyến đang khai thác	30
39	9191.1213.A	An Giang	An Giang	Rạch Giá	Hà Tiên	Bến xe Rạch Giá - QL 80 – Bến xe Hà Tiên và ngược lại.	91	3000	Tuyến đang khai thác	5
40	9191.2126.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Khánh Bình	Bến xe Long Xuyên – Đ. Phạm Cự Lượng – Đ. Trần Hưng Đạo - QL.91 – QL 91C - Bến xe Khánh Bình và ngược lại.	95	300	Tuyến đang khai thác	30
41	9191.2130.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Tịnh Biên	Bến xe Long Xuyên – Đ. Phạm Cự Lượng – Đ. Trần Hưng Đạo – QL91 - Bến xe Tịnh Biên và ngược lại.	78	30	Tuyến đang khai thác	30
42	9191.2127.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Tri Tôn	Bến xe Long Xuyên - Đ. Phạm Cự Lượng – Đ. Trần Hưng Đạo- QL.91 - ĐT941 - Bến xe Tri Tôn và ngược lại.	73	30	Tuyến đang khai thác	30
43	9191.2012.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Rạch Giá	Bến xe Rạch Giá - QL80 - ĐT948 – QL 91 - Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	117	120	Tuyến đang khai thác	30
44	9191.2131.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Óc Eo	Bến xe Long Xuyên - QL.91 - TL.943 - Bến xe khách Óc Eo và ngược lại.	38	30	Tuyến đang khai thác	30

STT	Mã số tuyến	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều)	Cự ly tuyến	Lưu lượng quy hoạch	Phân loại tuyến	Thời gian giãn cách tối thiểu
45	9191.2413.A	An Giang	An Giang	Chợ Mới	Hà Tiên	Bến xe Chợ Mới - ĐT 942 - Phà An Hòa - QL 91 - cầu Vàm Rầy - QL 80 – Bến xe Hà Tiên và ngược lại	195	30	Tuyến đang khai thác	45
46	9191.2125.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Tân Châu	Bến xe Long Xuyên – Đ. Phạm Cự Lượng - QL.91 - TL.953 - Bến xe khách Tân Châu và ngược lại.	71	150	Tuyến đang khai thác	30
47	9191.2111.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Kiên Giang	Bến xe Long Xuyên - QL91 - QL80 – QL 61 - Bến xe Kiên Giang và ngược lại.	70	240	Tuyến đang khai thác	15
48	9191.2511.A	An Giang	An Giang	Tân Châu	Kiên Giang	Bến xe Kiên Giang – QL 61 - QL80 - QL.91 - ĐT.953 - Bến xe khách Tân Châu và ngược lại.	145	60	Tuyến đang khai thác	60
49	9191.2313.A	An Giang	An Giang	Núi Sập	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - QLN1 - ĐT955B - ĐT943 – Bến xe Núi Sập và ngược lại.	140	60	Tuyến đang khai thác	60
50	9191.2113.A	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Hà Tiên	Bến xe Long Xuyên - QL91 - QL80 – Bến xe Hà Tiên và ngược lại.	160	330	Tuyến đang khai thác	30
51	9191.1321.B	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - N1 - ĐT941 - QL91 – Bến xe Long Xuyên và ngược lại.	160	330	Tuyến đang khai thác	30
52	9191.2612.A	An Giang	An Giang	Khánh Bình	Rạch Giá	Bến xe Rạch Giá - QL80 – ĐT 948 - QL 91 – Bến xe Khánh Bình và ngược lại.	149	90	Tuyến đang khai thác	30
53	9191.2013.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - N2 – QL 91 - Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	123	210	Tuyến đang khai thác	60
54	9191.2013.B	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - N1 – QL 91 - Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	123	210	Tuyến đang khai thác	60
55	9191.2011.A	An Giang	An Giang	Châu Đốc	Kiên Giang	Bến xe Kiên Giang – QL 61 - QL80 - QL91 - ĐT 945- Đường tránh QL 91 - Bến xe Châu Đốc và ngược lại.	125	60	Tuyến đang khai thác	30

STT	Mã số tuyến	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	Hành trình chạy xe (dùng cho cả 2 chiều)	Cự ly tuyến	Lưu lượng quy hoạch	Phân loại tuyến	Thời gian giãn cách tối thiểu
56	9191.2813.A	An Giang	An Giang	Phú Mỹ	Hà Tiên	Bến xe Hà Tiên - QL80 - Vàm Rầy - ĐT948 - QL91 - ĐT953 - ĐT954 – Bến xe Phú Mỹ và ngược lại.	183	240	Tuyến đang khai thác	45
57	9191.2217.A	An Giang	An Giang	Châu Thành	An Minh	Bến xe An Minh - ĐT 967 - QL63 - QL61 - QL80 - QL91 – Bến xe Châu Thành và ngược lại.	125	30	Tuyến đang khai thác	45
58	9191.2111.B	An Giang	An Giang	Long Xuyên	Kiên Giang	Bến xe Long Xuyên – Đ.Phạm Cự Lượng – Đ.Trần Hưng Đạo - QL91 – QL 80 - đường dẫn Cầu Vàm Cống - Cao tốc (Lộ Tê - Rạch Sỏi) - Tuyến tránh Rạch Giá - QL 61 - Bến xe Kiên Giang và ngược lại.	70	240	Tuyến mới	30